

**Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015  
về đầu tư theo hình thức đối tác công tư  
(PPP)**

**Nguyễn Hoang Đan  
Vụ Kế hoạch,  
Bộ Nông nghiệp và PTNT**

# NỘI DUNG TRÌNH BÀY

---

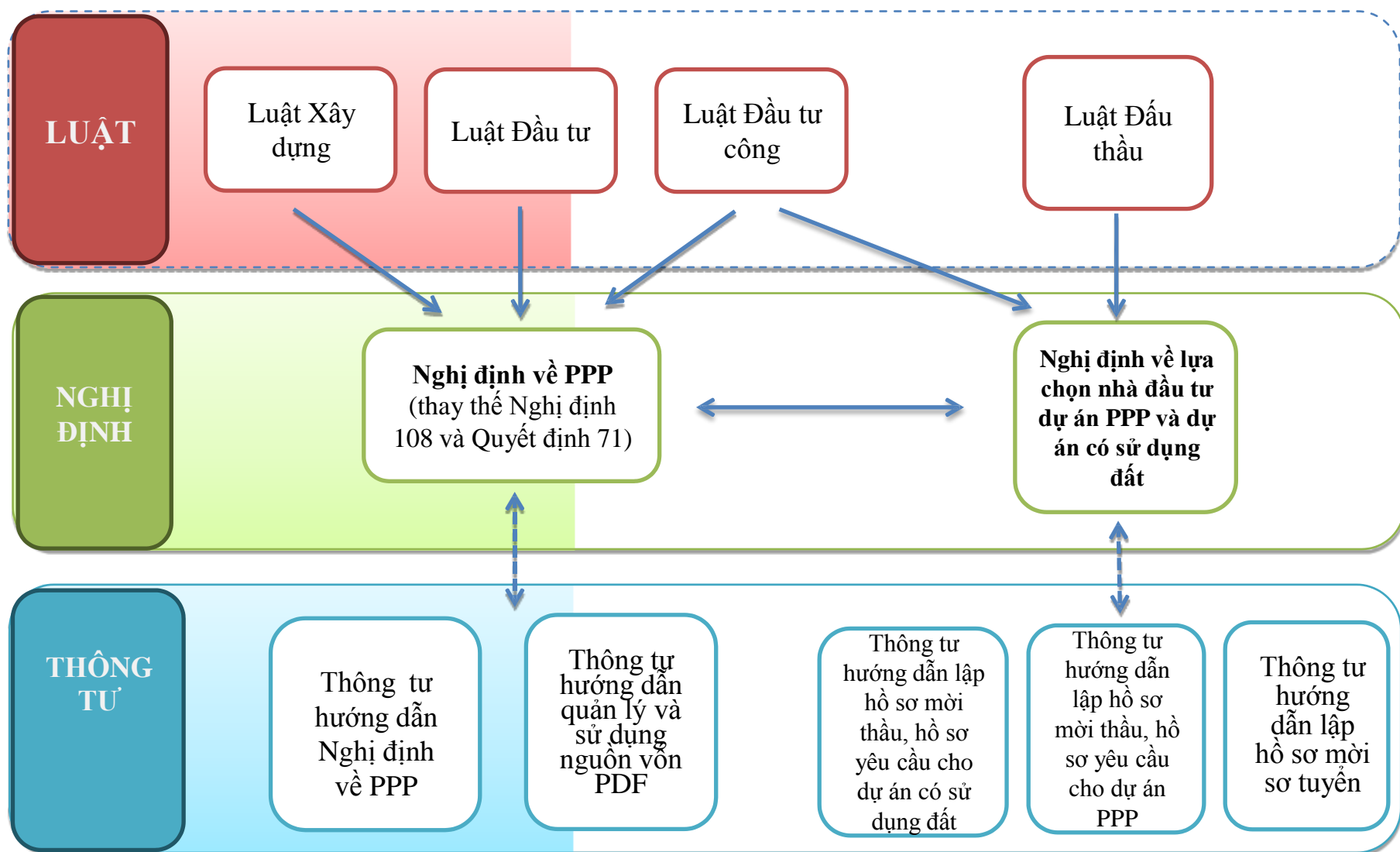
**1**

**Tổng quan khung pháp lý về PPP**

**2**

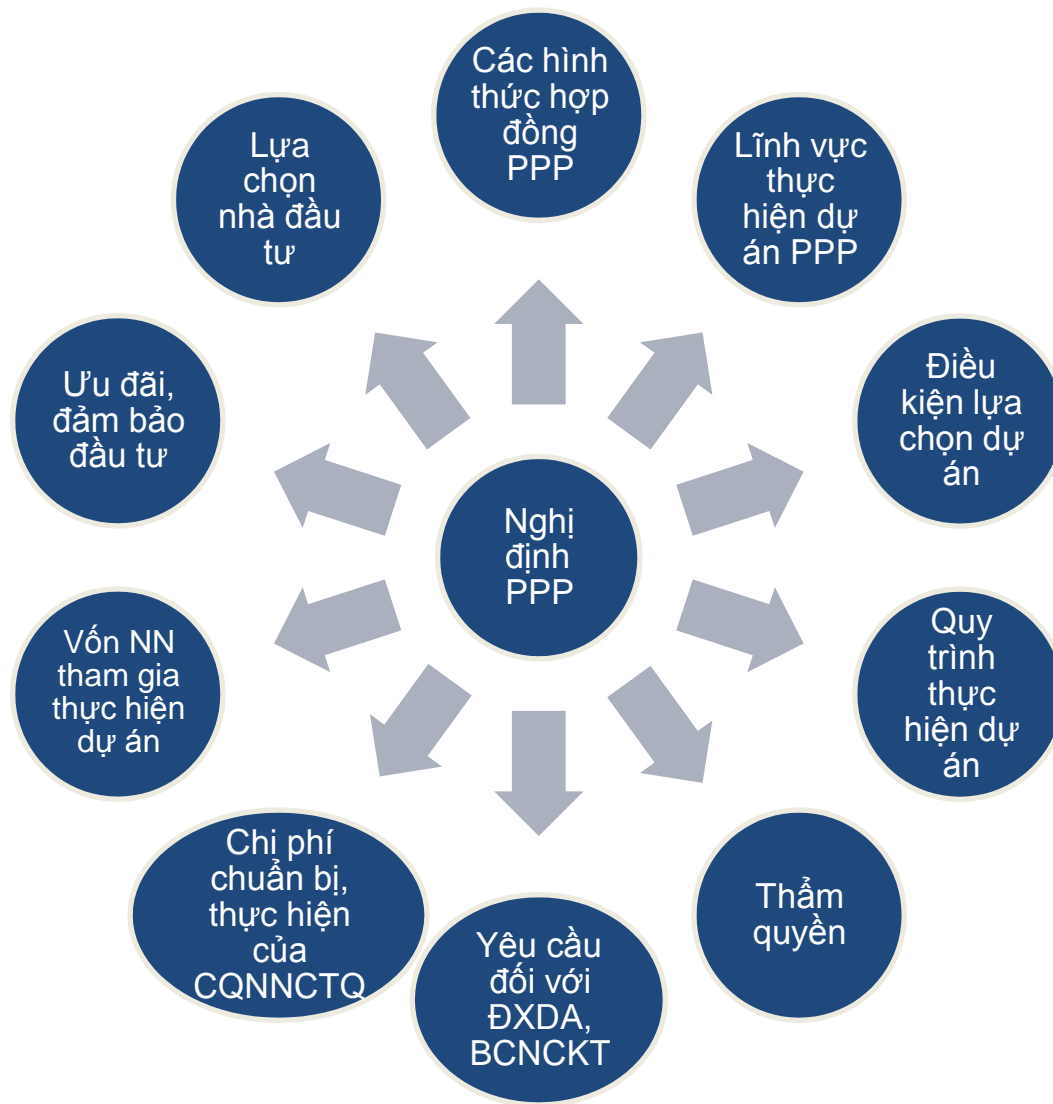
**Những nội dung chính của Nghị định PPP**

# I. Tổng quan khung pháp lý về PPP



## II. Những nội dung chính của Nghị định PPP

Nghị định PPP có **11 chương, 73 điều** với các nội dung chính như sau:



## 1. Các hình thức hợp đồng PPP

Nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn, Nghị định PPP mở rộng các hình thức hợp đồng PPP so với các quy định trước đây:

Quy định cũ (Nghị định 108 và Quyết định 71)	Quy định mới tại Nghị định
<ul style="list-style-type: none"><li>1. BOT (Xây dựng- Kinh doanh- chuyển giao)</li><li>2. BTO (Xây dựng- chuyển giao- Kinh doanh)</li><li>3. BT (Xây dựng- chuyển giao)</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>1. BOT</li><li>2. BTO</li><li>3. BT</li><li>4. BOO (Xây dựng- Sở hữu- Kinh doanh)</li><li>5. O&amp;M (Quản lý- Kinh doanh)</li><li>6. BLT(Xây dựng -Thuê dịch vụ -Chuyển giao)</li><li>7. BTL(Xây dựng- Chuyển giao -Thuê dịch vụ)</li><li>8. Hợp đồng tương tự (Thủ tướng Chính phủ xem xét Quyết định)</li></ul>

## ***2. Lĩnh vực thực hiện dự án PPP***

---

**Lĩnh vực thực hiện dự án PPP (Điều 4) trong Nghị định PPP đã được mở rộng so với quy định trước đây tại Nghị định 108/2009/NĐ-CP và Quyết định 71/2010/QĐ-TTg, đặc biệt đã bổ sung mới quy định cho phép áp dụng đầu tư theo hình thức đối tác công tư với hầu hết các lĩnh vực của ngành nông nghiệp, cụ thể gồm:**

***“Dự án xây dựng, cải tạo, vận hành, kinh doanh, quản lý công trình kết cấu hạ tầng, cung cấp trang thiết bị hoặc dịch vụ công:***

- Công trình kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và dịch vụ phát triển  
liên kết sản xuất*** gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;
- Các lĩnh vực khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.”***

**Đồng thời, quy định: “Bộ, ngành chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chi tiết lĩnh vực đầu tư thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành**

### 3. Điều kiện lựa chọn dự án để thực hiện theo hình thức PPP

- Đã mở rộng hơn đối với các dự án PPP trong nông nghiệp  
"Cho phép thực hiện đối với các dự án có tổng mức đầu tư dưới 20 tỷ đồng" và không giới hạn cận dưới (Điều 15).  
- Điều kiện lựa chọn dự án như hình bên: →

Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển

Phù hợp với lĩnh vực đầu tư

Có khả năng thu hút và tiếp nhận nguồn vốn thương mại, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nhà đầu tư

Có khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ ổn định, đạt chất lượng đạt chất lượng đáp ứng nhu cầu của người sử dụng

**Tổng vốn đầu tư từ 20 tỷ đồng trở lên, trừ dự án đầu tư theo hợp đồng O&M và dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp**

**Dự án có khả năng thu hồi vốn từ khoản thu của người sử dụng được ưu tiên lựa chọn**

**Trường hợp DNNN đề xuất dự án, DNNN phải hợp tác với doanh nghiệp ngoài nhà nước để đề xuất dự án**

## 4. Quy trình thực hiện dự án PPP

### 1 Dự án do Nhà nước lập ĐXDA

*NN tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, công bố các nội dung của đề xuất dự án. Sau khi NN hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi, tiến hành lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu (Điều 16,17,18).*

### 2 Dự án do Nhà đầu tư lập ĐXDA

*Dự án hoàn toàn mới do NĐT đề xuất, ngoài các dự án đã được Nhà nước công bố (Điều 20, 21,22,23)*

### 3 Dự án nhóm C

*Thực hiện theo quy trình, thủ tục rút gọn (Điều 25).  
và không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (Điều 39)*

**(Phù hợp với đặc thù và rút ngắn được thời gian, thủ tục đối với dự án PPP nông nghiệp, vì dự án thường do NĐT đề xuất, quy mô dự án thường nhỏ)**



## 4. Quy trình thực hiện dự án PPP

### I. Dự án do Nhà nước lập đề xuất dự án

CQNNCTQ lập ĐXDA, căn cứ theo các điều kiện lựa chọn dự án để thực hiện theo hình thức PPP (**Điều 15, 16**)



Phê duyệt chủ trương sử dụng vốn đầu tư của nhà nước tham gia thực hiện dự án (nếu có); thẩm định, phê duyệt ĐXDA (**Điều 17**)



CQNNCTQ công bố dự án (**Điều 18**)



CQNNCTQ lập BCNCKT (**Điều 24**)



Thẩm định, phê duyệt BCNCKT (**Điều 26, 27**)



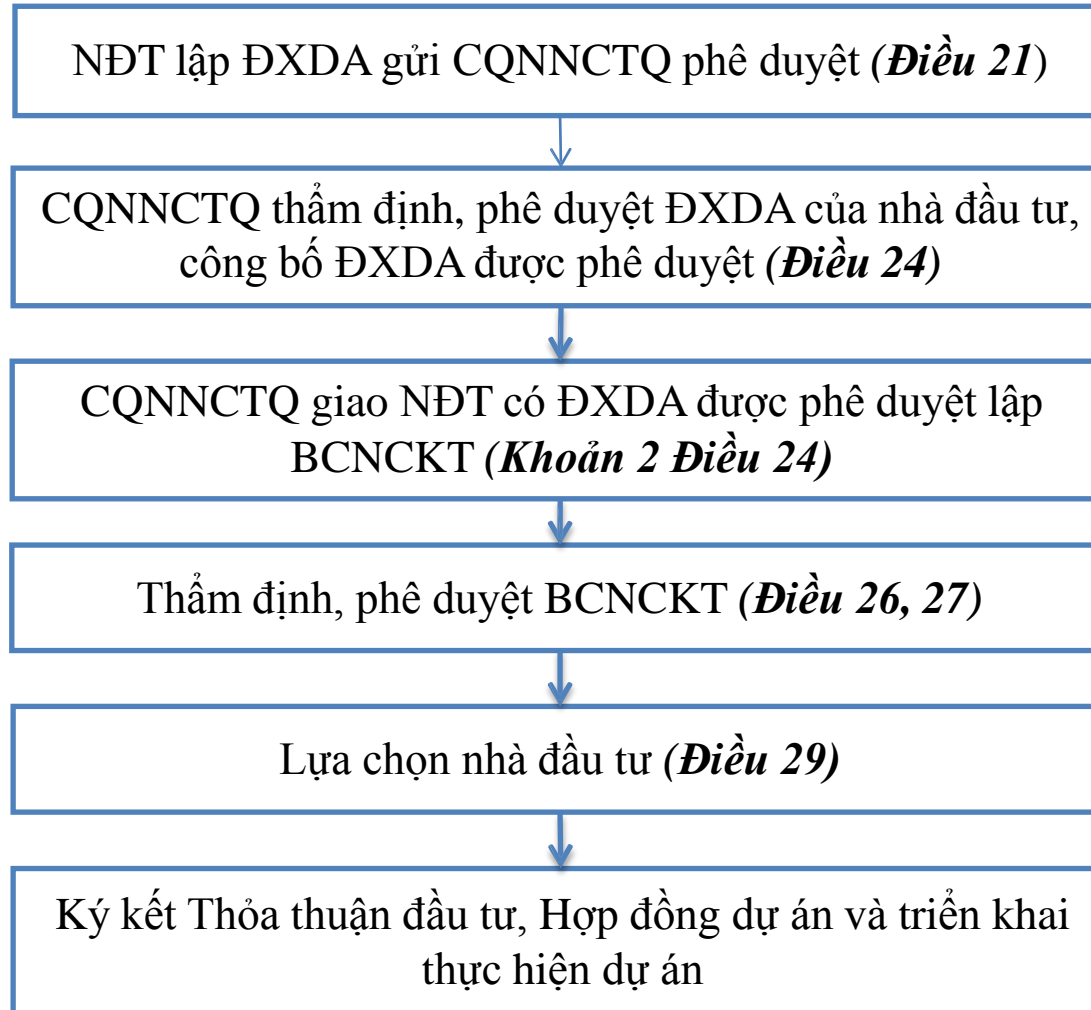
Lựa chọn nhà đầu tư (**Điều 29**)



Ký kết thỏa thuận đầu tư, Hợp đồng dự án và triển khai thực hiện

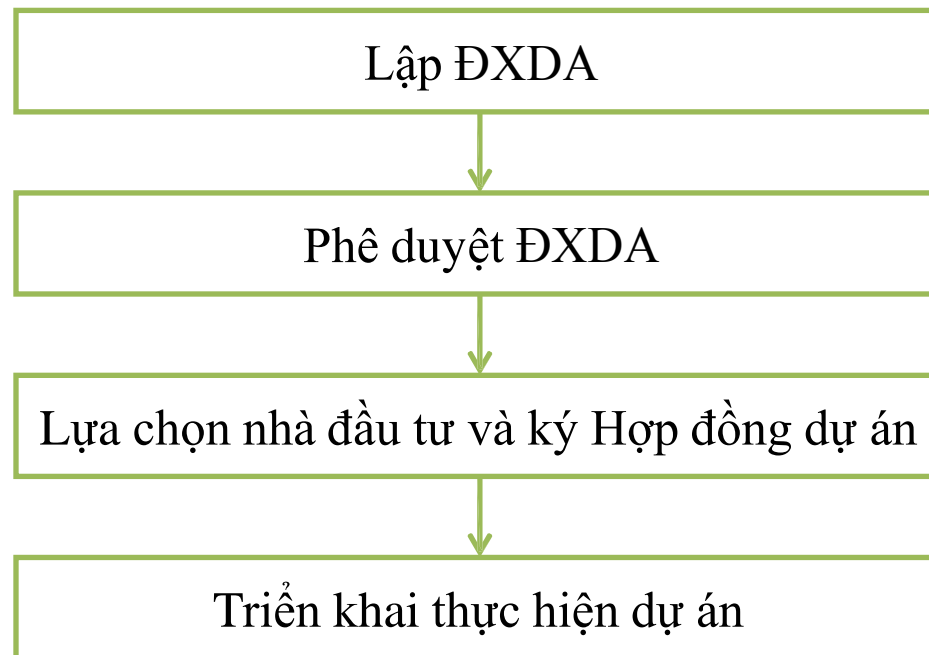
## 4. Quy trình thực hiện dự án PPP

### II. Dự án do Nhà đầu tư đề xuất mới (ngoài các dự án đã được công bố)



## 4. Quy trình thực hiện dự án PPP

### III. Quy trình đối với dự án nhóm C được rút gọn hơn A, B (cả trường hợp CQNNCTQ hoặc NĐT lập ĐXDA)



## 5. Thẩm quyền trong chuẩn bị, thực hiện dự án PPP

---

- **Thẩm quyền thẩm định BCNCKT (Điều 26):**

Dự án	Thẩm quyền thẩm định
Dự án quan trọng quốc gia	Hội đồng thẩm định Nhà nước
Dự án nhóm A, B	Bộ trưởng, Thủ trưởng Cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định.

## 5. Thẩm quyền trong chuẩn bị, thực hiện dự án PPP

- **Thẩm quyền phê duyệt BCNCKT (Điều 27):**

Dự án	Thẩm quyền phê duyệt
Dự án quan trọng quốc gia	Thủ tướng Chính phủ
Dự án nhóm A, B trừ dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tôn giáo	Bộ trưởng, Thủ trưởng Cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- **Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kí kết và thực hiện hợp đồng dự án (Điều 8):** Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

## 5. Thẩm quyền trong chuẩn bị, thực hiện dự án PPP

- Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Điều 39):

Dự án	Thẩm quyền cấp GCNNĐKĐT
Dự án quan trọng quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Dự án do Bộ, ngành hoặc cơ quan ủy quyền của Bộ, ngành kí hợp đồng dự án	
Dự án thực hiện trên nhiều địa bàn, tỉnh thành phố	
Các dự án còn lại	UBND cấp tỉnh

## ***6. Yêu cầu đối với Đề xuất dự án và BCNCKT***

---

### **Đề xuất dự án cần có các nội dung chủ yếu sau:**

1. Sự cần thiết của dự án và những lợi thế của việc thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư so với các hình thức đầu tư khác;
2. Dự kiến mục tiêu, quy mô, địa điểm thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất;
3. Sơ bộ các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng công trình dự án hoặc dịch vụ cung cấp, phương thức tổ chức quản lý và kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ;
4. Dự kiến tiến độ, thời hạn thực hiện dự án; thời gian xây dựng, khai thác công trình;
5. Dự kiến điều kiện thực hiện dự án khác (đối với dự án BT);
6. Phương án tài chính sơ bộ của dự án
7. Các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư (nếu có);
8. Dự kiến sơ bộ rủi ro trong quá trình thực hiện dự án và phân chia rủi ro giữa các bên tham gia hợp đồng dự án;
9. Dự kiến sơ bộ hiệu quả về kinh tế, xã hội của dự án.
10. Trường hợp dự án có cấu phần xây dựng, ngoài các nội dung nêu trên, đề xuất dự án bao gồm phương án thiết kế sơ bộ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

## ***6. Yêu cầu đối với Đề xuất dự án và BCNCKT***

---

**Báo cáo nghiên cứu khả thi cần có các nội dung chủ yếu sau (1):**

1. Sự cần thiết, lợi thế của việc thực hiện dự án so với hình thức đầu tư khác;
2. Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư và các điều kiện khi lựa chọn dự án; loại hợp đồng và các điều kiện cơ bản của hợp đồng dự án;
3. Mục tiêu, quy mô, các hợp phần (nếu có) và địa điểm thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất;
4. Thuyết minh kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng yêu cầu chất lượng và khai thác công trình dự án, cung cấp dịch vụ;
5. Hiện trạng công trình, máy móc, thiết bị, giá trị tài sản (đối với hợp đồng O&M); điều kiện thực hiện dự án khác (đối với hợp đồng BT);
6. Tiến độ, thời hạn thực hiện dự án; phương án tổ chức quản lý và kinh doanh;



## ***6. Yêu cầu đối với Đề xuất dự án và BCNCKT***

---

**Báo cáo nghiên cứu khả thi cần có các nội dung chủ yếu sau (2):**

7. Phương án tài chính: tổng vốn đầu tư; giá, phí dịch vụ và các nguồn thu hợp pháp khác của dự án; thời hạn hoàn vốn; lợi nhuận; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án;

8. Khả năng huy động vốn để thực hiện dự án; đánh giá nhu cầu, khả năng thanh toán của thị trường;

9. Các rủi ro, trách nhiệm của các bên về quản lý rủi ro trong quá trình thực hiện dự án;

10. Ưu đãi, bảo đảm đầu tư (nếu có);

11. Hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án và tác động đối với các vấn đề về môi trường, xã hội và quốc phòng, an ninh.

12. Đối với dự án có cấu phần xây dựng, báo cáo nghiên cứu khả thi còn cần bao gồm các nội dung theo quy định của pháp luật về xây dựng.

## 7. Chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án của CQNNCTQ

Chi phí	Nguồn vốn
1. Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi;	1. Vốn ngân sách nhà nước theo cân đối trong kế hoạch chi đầu tư phát triển hàng năm của CQNNCTQ; 2. Vốn hỗ trợ chuẩn bị đầu tư 3. Nguồn thu từ việc bán hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư 4. Nguồn vốn do nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án hoàn trả; 5. Các nguồn vốn hợp pháp khác
2. Chi phí tổ chức lựa chọn nhà đầu tư	
3. Chi phí hoạt động của đơn vị quản lý dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	
4. Chi phí công bố dự án	
5. Chi phí hoạt động của đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP	Nguồn ngân sách nhà nước trong kế hoạch chi sự nghiệp của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
6. Chi phí thuê tư vấn hỗ trợ thực hiện một số hoạt động thuộc trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định này	
7. Chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo, đàm phán	
8. Chi phí khác	

## 8. Sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước để thực hiện dự án

### Mục đích sử dụng (Điều 11)

**NĐ 108 + QĐ 71**

**NĐ PPP**

**1. Hỗ trợ xây dựng công trình phụ trợ, tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư**

**2. Thực hiện các công việc khác nhằm hỗ trợ thực hiện Dự án**

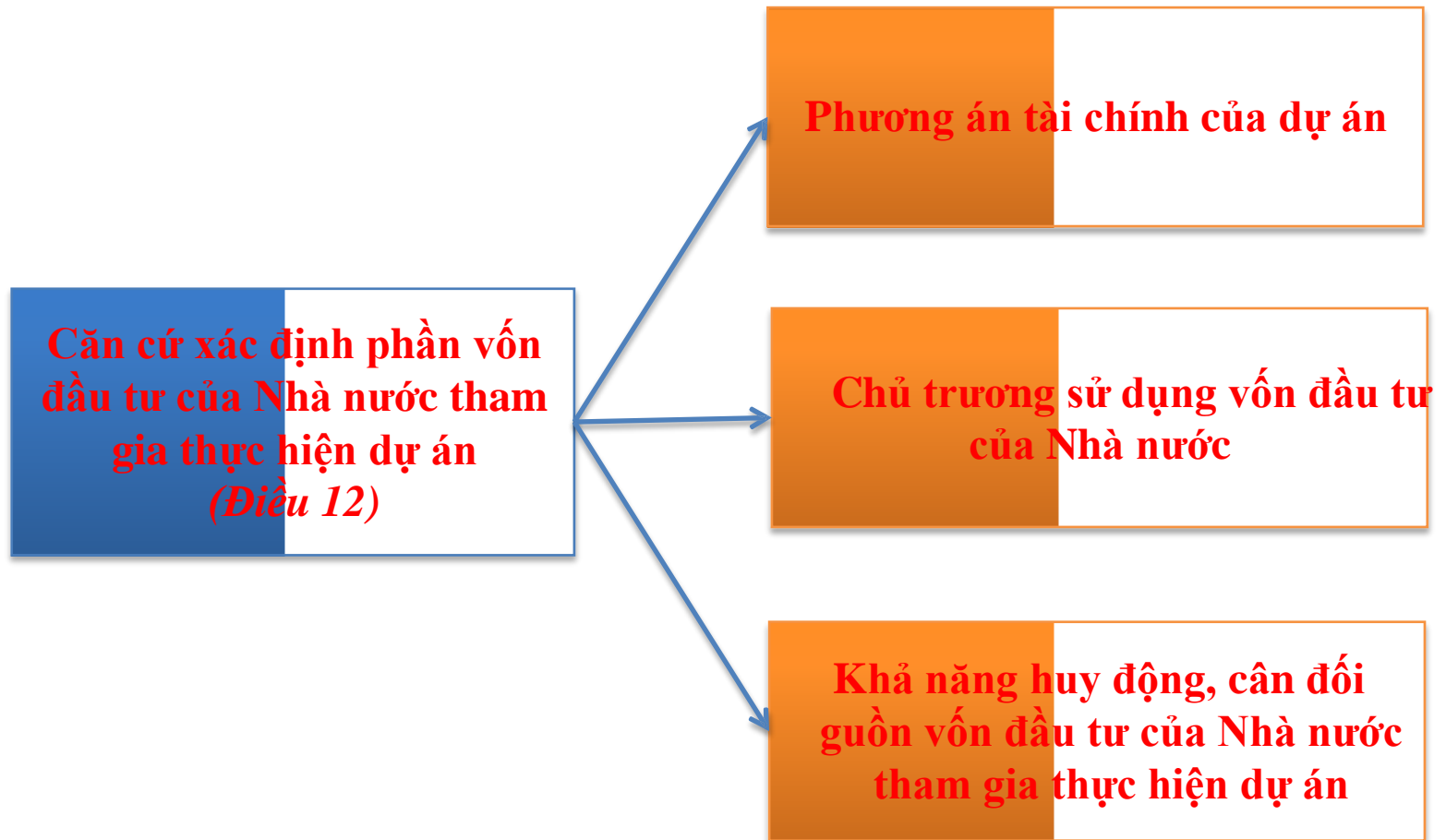
**1. Góp vốn để hỗ trợ xây dựng công trình đối với dự án kinh doanh, thu phí từ người sử dụng, nhưng khoản thu không đủ để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận**

**2. Thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện hợp đồng BTL, BLT và các hợp đồng tương tự**

**3. Hỗ trợ xây dựng công trình phụ trợ, tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư**

## 8. Sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước để thực hiện dự án

---



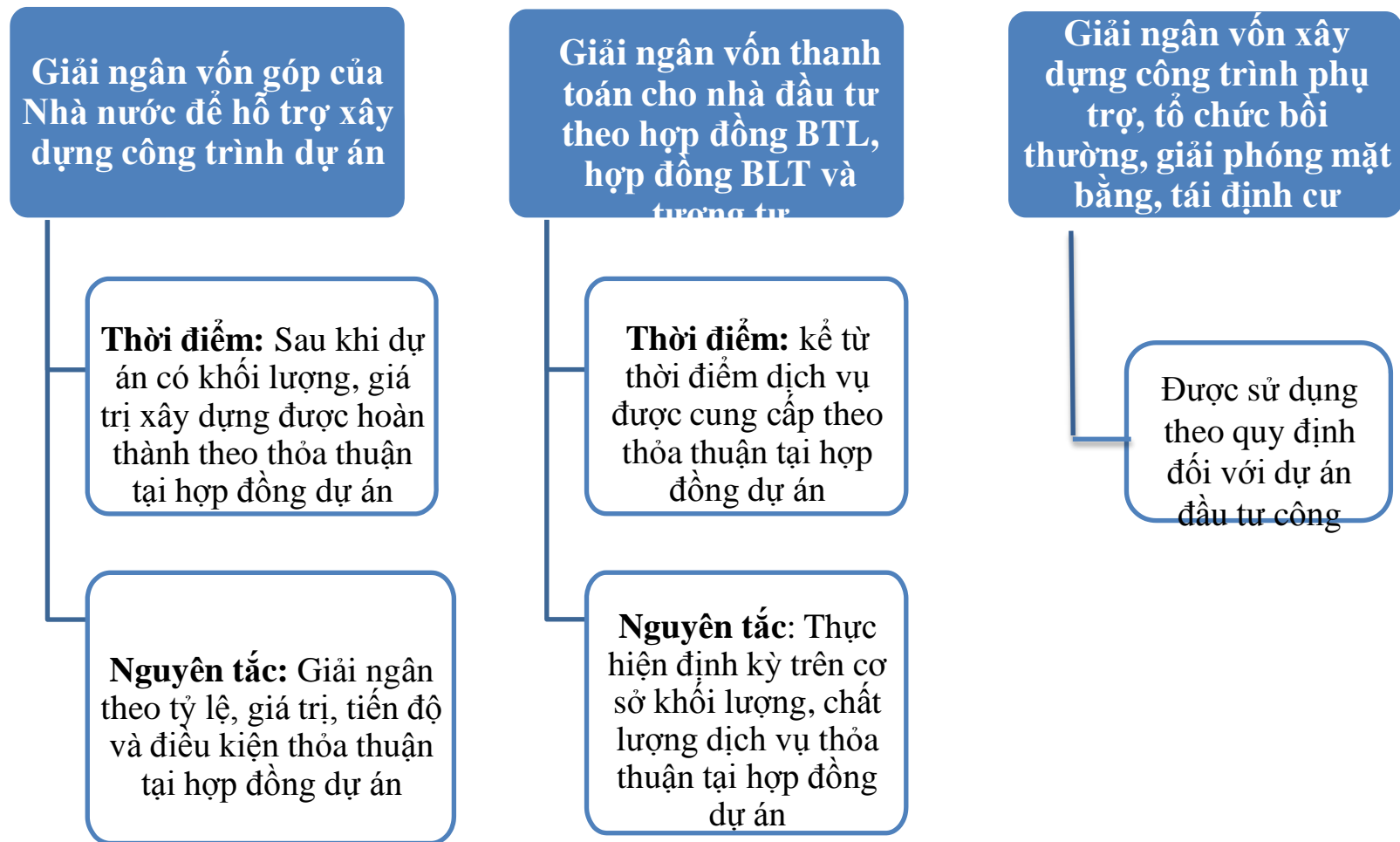
## 8. Sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước để thực hiện dự án

*Thẩm quyền xác định phần vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án (Điều 13)*

Dự án	Thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư vốn đầu tư Nhà nước tham gia thực hiện dự án (khi phê duyệt ĐXDA)	Thẩm quyền xác định phần vốn đầu tư Nhà nước tham gia thực hiện dự án (khi phê duyệt BCNCKT)
Dự án quan trọng quốc gia	Quốc hội	Thủ tướng Chính phủ
Dự án nhóm A	Thủ tướng Chính phủ	Bộ trưởng, Thủ trưởng Cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tôn giáo do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt)
Dự án nhóm B, C	Người đứng đầu các Bộ, cơ quan trung ương	

## 8. Sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước để thực hiện dự án

*Giải ngân vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án (Điều 14)*



## *9. Ưu đãi, bảo đảm đầu tư*

---

**1. Ưu đãi về thuế, bảo lãnh nghĩa vụ**

**2. Bảo đảm cân đối ngoại tệ**

**3. Quyền tiếp nhận dự án**

**4. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp**

## 9. Ưu đãi, bảo đảm đầu tư

---

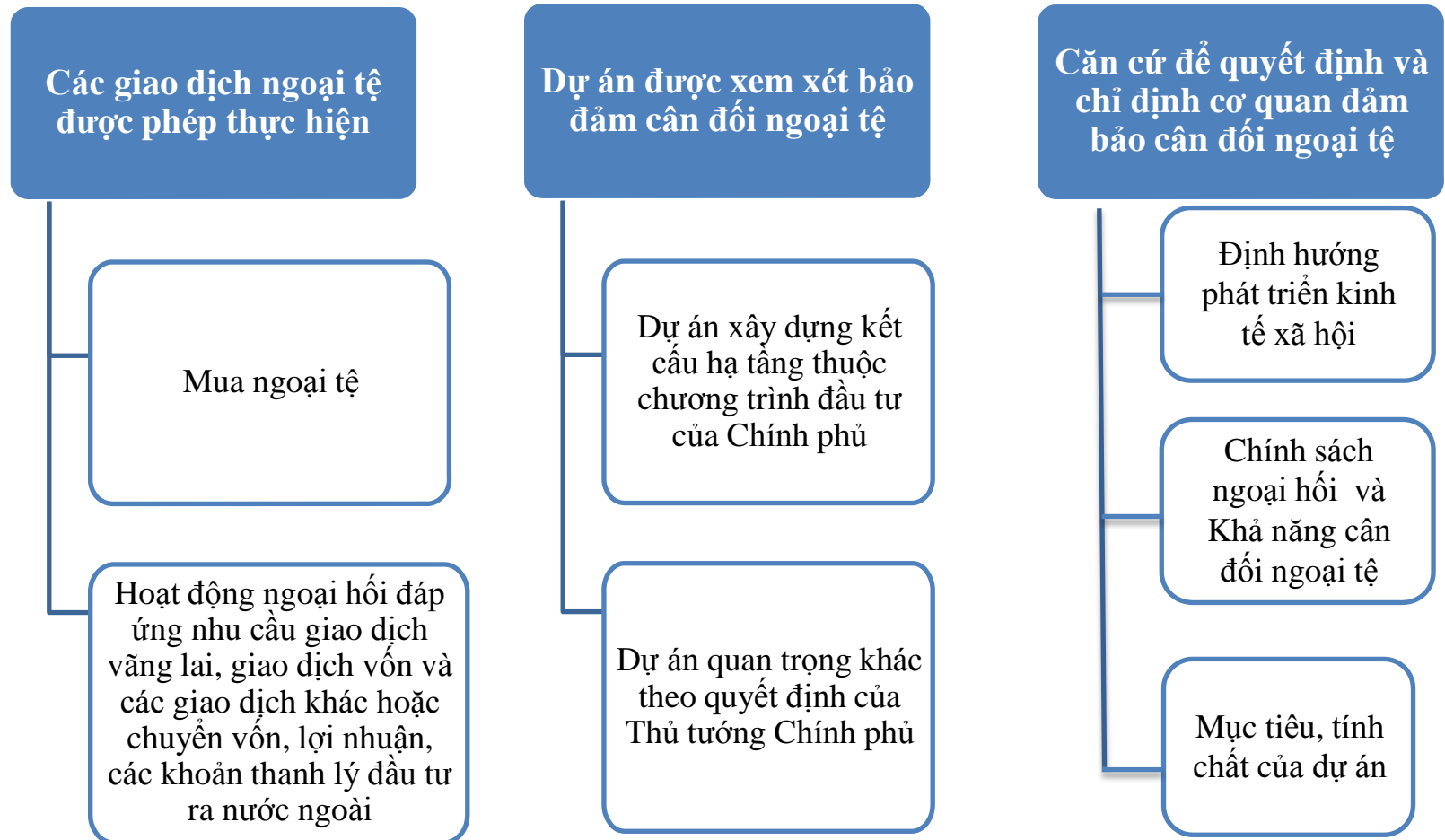
Ngoài các hình thức ưu đãi và bảo đảm đầu tư như: Ưu đãi về thuế, bảo đảm quyền thế chấp tài sản, bảo đảm cân đối ngoại tệ, bảo đảm về vốn và tài sản..., **Nghị định bổ sung các hình thức bảo đảm khác như:**

- **Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được hưởng các ưu đãi khác theo quy định của Pháp luật (*trong đó có các chính sách ưu đãi thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn hiện hành*) (Điều 55)**
- **Bảo đảm thực hiện quyền sử dụng đất (Điều 59):** Mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án được bảo đảm không thay đổi trong toàn bộ thời hạn hợp đồng dự án và trường hợp bên cho vay tiếp nhận dự án.
- Cho phép nhà đầu tư **thế chấp quyền tài sản, quyền sử dụng đất và quyền kinh doanh công trình dự án (Điều 58).**



## 9. Ưu đãi, bảo đảm đầu tư

### Bảo đảm cân đối ngoại tệ



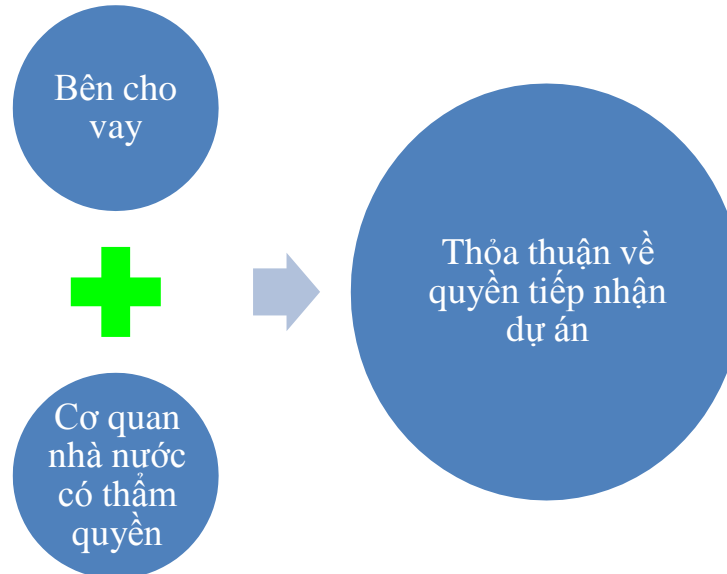
- ***Không đảm bảo về tỉ giá chuyển đổi ngoại tệ***

## 9. Ưu đãi, bảo đảm đầu tư

### Quyền tiếp nhận dự án

---

***Bên cho vay có quyền tiếp nhận hoặc chỉ định tổ chức đủ năng lực tiếp nhận*** một phần hoặc toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án (gọi là quyền tiếp nhận dự án) trong ***trường hợp nhà đầu tư hoặc doanh nghiệp dự án không thực hiện được các nghĩa vụ quy định tại hợp đồng dự án hoặc hợp đồng vay.***



## 9. Ưu đãi, bảo đảm đầu tư

### *Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp*

---

1. **Luật áp dụng (Điều 37):** Các bên ký kết thỏa thuận về luật áp dụng đối với *hợp đồng dự án* và *hợp đồng được Chính phủ bảo lãnh nghĩa vụ* không được trái với quy định của pháp luật Việt Nam về lựa chọn và áp dụng pháp luật nước ngoài.
2. **Giải quyết tranh chấp (Điều 63):**
  - Phương thức giải quyết: Thương lượng, hòa giải, giải quyết thông qua tòa án hoặc trọng tài
  - Phán quyết trọng tài nước ngoài được công nhận và thi hành theo quy định của pháp luật về công nhận và thực thi phán quyết của trọng tài nước ngoài.

## 10. Cơ chế chuyển tiếp

---

Các dự án không phải thực hiện theo quy định tại Nghị định PPP:

- ***Danh mục dự án công bố*** và đã được ***Thủ tướng Chính phủ phê duyệt***
- ***Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt***
- Dự án đã có ***quyết định lựa chọn nhà đầu tư***
- ***Hợp đồng dự án đã được ký tất***
- ***Dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc có Hợp đồng dự án***
- ***Dự án có cam kết, chấp thuận bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ*** hoặc Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án, ưu đãi, bảo đảm đầu tư và các nội dung khác liên quan đến thực hiện dự án trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo các văn bản đó.

## ***11. Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP***

---

Song song với Nghị định về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, Chính phủ đã ban hành **Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015** quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư, *trong đó có lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP.*

**Hình thức lựa chọn, quy trình chi tiết, ưu đãi** dành cho các nhà đầu tư được quy định rõ trong Nghị định này.



# TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

---

Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ

***Ban Chỉ đạo PPP (Bộ Nông nghiệp và PTNT)***  
***Vụ Kế hoạch***                      ***Vụ Hợp tác Quốc tế***

***Tel: 043.8432654***

***Tel: 043.8459670***

***Fax :043.8233.811***

***Fax :043.7330752***

***Email :***